



Số: **012003** /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 12567.25



Tên khách hàng : TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
Địa chỉ : SỐ 109 PHẠM NGŨ LÃO, PHƯỜNG 1, TP. TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH
Địa điểm lấy mẫu : Tại hộ Thái Thị Quyền, ấp 4, xã Thạnh Phú (TCN Thạnh Phú)
Tên mẫu : **NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT**
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 01 bình x 2 lít + 01 chai x 500 ml
Ngày nhận mẫu : 20/05/2025
Người gửi mẫu : Nguyễn Trần Bảo Thanh
Người nhận mẫu : Nguyễn Thanh Hiền
Thời gian thử nghiệm : 20/05/2025-27/05/2025

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Tiêu chuẩn	Kết quả	Đơn vị
1	<i>Staphylococcus aureus</i>	SMEWW 9213 B - 2023 (a)	< 1	0	CFU/100 ml
2	<i>Pseudomonas aeruginosa</i>	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2006) (a)	< 1	0	CFU/100 ml
3	Antimon (Sb)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,02	0,0006	mg/l
4	Bari (Ba)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,7	< 0,05	mg/l
5	Boron (bao gồm Borat và Axit boric)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,3	0,058	mg/l
6	Chì (Pb)	SMEWW 3125 B - 2023 (a)	≤ 0,01	< 0,001	mg/l
7	Natri (Na)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 200	113,57	mg/l
8	Bromodichlorometan	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 60	6,71	µg/l
9	Bromoform	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 100	25,2	µg/l
10	Cloroform	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 300	< 2,0	µg/l
11	Dibromochlorometan	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 100	16,6	µg/l

Mã số mẫu: 12567.25

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Tiêu chuẩn	Kết quả	Đơn vị
12	Tổng hoạt độ phóng xạ α (Gross alpha)	ISO 10704:2019 (a)	$\leq 0,1$	806210 < 0,075	Bq/l
13	Tổng hoạt độ phóng xạ β (Gross beta)	ISO 10704:2019 (a)	$\leq 1,0$	0,328	Bq/l

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.

Nhận xét: Mẫu NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Trà Vinh QCDP 01:2022/TV do Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **28-05-2025**.....

TUQ. VIỆN TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM



TS. Phan Long Hồ



Số: 012004 /VYTCC

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 12568.25



Tên khách hàng : TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
Địa chỉ : SỐ 109 PHẠM NGŨ LÃO, PHƯỜNG 1, TP. TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH
Địa điểm lấy mẫu : Tại hộ Trương Thành Như, ấp Trà Ôt, xã Thông Hoà (TCN Thông Hòa)
Tên mẫu : NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 01 bình x 2 lít + 01 chai x 500 ml
Ngày nhận mẫu : 20/05/2025
Người gửi mẫu : Nguyễn Trần Bảo Thanh
Người nhận mẫu : Nguyễn Thanh Hiền
Thời gian thử nghiệm : 20/05/2025-27/05/2025

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Tiêu chuẩn	Kết quả	Đơn vị
1	<i>Staphylococcus aureus</i>	SMEWW 9213 B - 2023 (a)	< 1	0	CFU/100 ml
2	<i>Pseudomonas aeruginosa</i>	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2006) (a)	< 1	0	CFU/100 ml
3	Antimon (Sb)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	$\leq 0,02$	Không phát hiện LOD = 0,0003	mg/l
4	Bari (Ba)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	$\leq 0,7$	< 0,05	mg/l
5	Boron (bao gồm Borat và Axit boric)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	$\leq 0,3$	0,054	mg/l
6	Chì (Pb)	SMEWW 3125 B - 2023 (a)	$\leq 0,01$	Không phát hiện LOD = 0,0003	mg/l
7	Natri (Na)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 200	76,44	mg/l
8	Bromodichlorometan	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 60	Không phát hiện LOD = 0,40	$\mu\text{g/l}$
9	Bromoform	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 100	Không phát hiện LOD = 0,50	$\mu\text{g/l}$
10	Cloroform	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 300	Không phát hiện LOD = 0,50	$\mu\text{g/l}$
11	Dibromochlorometan	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 100	Không phát hiện LOD = 0,30	$\mu\text{g/l}$

Mã số mẫu: 12568.25

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Tiêu chuẩn	Kết quả	Đơn vị
12	Tổng hoạt độ phóng xạ α (Gross alpha)	ISO 10704:2019 (a)	$\leq 0,1$	Không phát hiện LOD = 0,025	Bq/l
13	Tổng hoạt độ phóng xạ β (Gross beta)	ISO 10704:2019 (a)	$\leq 1,0$	0,321	Bq/l

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.
- LOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/ Limit of detection.

Nhận xét: Mẫu NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Trà Vinh QCDP 01:2022/TV do Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành.

28-05-2025

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày

TUQ. VIỆN TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM



TS. Phan Long Hồ



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 12569.25



Tên khách hàng : TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
Địa chỉ : SỐ 109 PHẠM NGŨ LÃO, PHƯỜNG 1, TP. TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH
Địa điểm lấy mẫu : Tại hộ Ngô Thị Cẩm Phương, ấp Thông Thảo, xã Thông Hòa (NMN Thông Hòa)
Tên mẫu : **NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT**
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 01 bình x 2 lít + 01 chai x 500 ml
Ngày nhận mẫu : 20/05/2025
Người gửi mẫu : Nguyễn Trần Bảo Thanh
Người nhận mẫu : Nguyễn Thanh Hiền
Thời gian thử nghiệm : 20/05/2025-27/05/2025

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Tiêu chuẩn	Kết quả	Đơn vị
1	<i>Staphylococcus aureus</i>	SMEWW 9213 B - 2023 (a)	< 1	0	CFU/100 ml
2	<i>Pseudomonas aeruginosa</i>	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2006) (a)	< 1	0	CFU/100 ml
3	Antimon (Sb)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,02	Không phát hiện LOD = 0,0003	mg/l
4	Bari (Ba)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,7	< 0,05	mg/l
5	Boron (bao gồm Borat và Axit boric)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,3	< 0,05	mg/l
6	Chì (Pb)	SMEWW 3125 B - 2023 (a)	≤ 0,01	Không phát hiện LOD = 0,0003	mg/l
7	Natri (Na)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 200	44,89	mg/l
8	Bromodichlorometan	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 60	Không phát hiện LOD = 0,40	µg/l
9	Bromoform	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 100	Không phát hiện LOD = 0,50	µg/l
10	Cloroform	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 300	Không phát hiện LOD = 0,50	µg/l
11	Dibromochlorometan	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 100	Không phát hiện LOD = 0,30	µg/l

Mã số mẫu: 12569.25

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Tiêu chuẩn	Kết quả	Đơn vị
12	Tổng hoạt độ phóng xạ α (Gross alpha)	ISO 10704:2019 (a)	$\leq 0,1$	Không phát hiện LOD = 0,025	Bq/l
13	Tổng hoạt độ phóng xạ β (Gross beta)	ISO 10704:2019 (a)	$\leq 1,0$	0,311	Bq/l

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.
- LOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/ Limit of detection.

Nhận xét: Mẫu NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Trà Vinh QCDP 01:2022/TV do Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **28-05-2025**

TUQ. VIỆN TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM



TS. Phan Long Hồ



Số: 012006/VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 12570.25



Tên khách hàng : TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
Địa chỉ : SỐ 109 PHẠM NGŨ LÃO, PHƯỜNG 1, TP. TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH
Địa điểm lấy mẫu : Tại hộ Thạch Thị Đua, ấp Trà Kháo, xã Hòa Ân (NMN Hòa Ân)
Tên mẫu : NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 01 bình x 2 lít + 01 chai x 500 ml
Ngày nhận mẫu : 20/05/2025
Người gửi mẫu : Nguyễn Trần Bảo Thanh
Người nhận mẫu : Nguyễn Thanh Hiền
Thời gian thử nghiệm : 20/05/2025-27/05/2025

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Tiêu chuẩn	Kết quả	Đơn vị
1	<i>Staphylococcus aureus</i>	SMEWW 9213 B - 2023 (a)	< 1	0	CFU/100 ml
2	<i>Pseudomonas aeruginosa</i>	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2006) (a)	< 1	0	CFU/100 ml
3	Antimon (Sb)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,02	Không phát hiện LOD = 0,0003	mg/l
4	Bari (Ba)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,7	0,060	mg/l
5	Boron (bao gồm Borat và Axit boric)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,3	< 0,05	mg/l
6	Chì (Pb)	SMEWW 3125 B - 2023 (a)	≤ 0,01	Không phát hiện LOD = 0,0003	mg/l
7	Natri (Na)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 200	39,48	mg/l
8	Bromodichlorometan	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 60	Không phát hiện LOD = 0,40	µg/l
9	Bromoform	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 100	Không phát hiện LOD = 0,50	µg/l
10	Cloroform	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 300	Không phát hiện LOD = 0,50	µg/l
11	Dibromochlorometan	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 100	Không phát hiện LOD = 0,30	µg/l

Mã số mẫu: 12570.25

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Tiêu chuẩn	Kết quả	Đơn vị
12	Tổng hoạt độ phóng xạ α (Gross alpha)	ISO 10704:2019 (a)	$\leq 0,1$	$< 0,075$	Bq/l
13	Tổng hoạt độ phóng xạ β (Gross beta)	ISO 10704:2019 (a)	$\leq 1,0$	0,308	Bq/l

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.
- LOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/ Limit of detection.

Nhận xét: Mẫu NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Trà Vinh QCDP 01:2022/TV do Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **2.8-05-2025**

TUQ. VIỆN TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM



★TS. Phan Long Hồ



Số: 012007 /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 12571.25



VILAS 219

Tên khách hàng : TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
Địa chỉ : SỐ 109 PHẠM NGŨ LÃO, PHƯỜNG 1, TP. TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH
Địa điểm lấy mẫu : Tại hộ Huỳnh Trung Hiếu, ấp Bưng Lớn A, xã Tam Ngãi (TCN Tam Ngãi)
Tên mẫu : NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 01 bình x 2 lít + 01 chai x 500 ml
Ngày nhận mẫu : 20/05/2025
Người gửi mẫu : Nguyễn Trần Bảo Thanh
Người nhận mẫu : Nguyễn Thanh Hiền
Thời gian thử nghiệm : 20/05/2025-27/05/2025

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Tiêu chuẩn	Kết quả	Đơn vị
1	<i>Staphylococcus aureus</i>	SMEWW 9213 B - 2023 (a)	< 1	0	CFU/100 ml
2	<i>Pseudomonas aeruginosa</i>	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2006) (a)	< 1	0	CFU/100 ml
3	Antimon (Sb)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,02	0,0010	mg/l
4	Bari (Ba)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,7	< 0,05	mg/l
5	Boron (bao gồm Borat và Axit boric)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,3	0,052	mg/l
6	Chì (Pb)	SMEWW 3125 B - 2023 (a)	≤ 0,01	< 0,001	mg/l
7	Natri (Na)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 200	111,99	mg/l
8	Bromodichlorometan	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 60	7,57	µg/l
9	Bromoform	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 100	25,0	µg/l
10	Cloroform	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 300	< 2,0	µg/l
11	Dibromochlorometan	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 100	16,7	µg/l

Mã số mẫu: 12571.25

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Tiêu chuẩn	Kết quả	Đơn vị
12	Tổng hoạt độ phóng xạ α (Gross alpha)	ISO 10704:2019 (a)	$\leq 0,1$	< 0,075	Bq/l
13	Tổng hoạt độ phóng xạ β (Gross beta)	ISO 10704:2019 (a)	$\leq 1,0$	0,383	Bq/l

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.

Nhận xét: Mẫu NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Trà Vinh QCDP 01:2022/TV do Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **28-05-2025**

TU. VIỆN TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM



TS. Phan Long Hồ



Số: **012008** /VYTCC

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 12572.25



Tên khách hàng : TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
Địa chỉ : SỐ 109 PHẠM NGŨ LÃO, PHƯỜNG 1, TP. TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH
Địa điểm lấy mẫu : Tại hộ Phạm Văn Thanh, ấp Dinh An, xã An Phú Tân (TCN Dinh An)
Tên mẫu : NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 01 bình x 2 lít + 01 chai x 500 ml
Ngày nhận mẫu : 20/05/2025
Người gửi mẫu : Nguyễn Trần Bảo Thanh
Người nhận mẫu : Nguyễn Thanh Hiền
Thời gian thử nghiệm : 20/05/2025-27/05/2025

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Tiêu chuẩn	Kết quả	Đơn vị
1	<i>Staphylococcus aureus</i>	SMEWW 9213 B - 2023 (a)	< 1	0	CFU/100 ml
2	<i>Pseudomonas aeruginosa</i>	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2006) (a)	< 1	0	CFU/100 ml
3	Antimon (Sb)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,02	0,0008	mg/l
4	Bari (Ba)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,7	< 0,05	mg/l
5	Boron (bao gồm Borat và Axit boric)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,3	0,056	mg/l
6	Chì (Pb)	SMEWW 3125 B - 2023 (a)	≤ 0,01	0,005	mg/l
7	Natri (Na)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 200	110,99	mg/l
8	Bromodichlorometan	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 60	6,60	µg/l
9	Bromoform	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 100	23,0	µg/l
10	Cloroform	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 300	< 2,0	µg/l
11	Dibromochlorometan	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 100	19,0	µg/l

Mã số mẫu: 12572.25

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Tiêu chuẩn	Kết quả	Đơn vị
12	Tổng hoạt độ phóng xạ α (Gross alpha)	ISO 10704:2019 (a)	$\leq 0,1$	Không phát hiện LOD = 0,025	Bq/l
13	Tổng hoạt độ phóng xạ β (Gross beta)	ISO 10704:2019 (a)	$\leq 1,0$	0,328	Bq/l

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.
- LOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/ Limit of detection.

Nhận xét: Mẫu NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Trà Vinh QCDP 01:2022/TV do Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **28-05-2025**

TU. VIỆN TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM



TS. Phan Long Hồ



Số: /VYTCC

012009

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 12573.25



Tên khách hàng : TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
Địa chỉ : SỐ 109 PHẠM NGŨ LÃO, PHƯỜNG 1, TP. TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH
Địa điểm lấy mẫu : Tại hộ Lê Văn Hoàng, ấp An Trại, xã An Phú Tân (TCN An Phú Tân)
Tên mẫu : NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 01 bình x 2 lít + 01 chai x 500 ml
Ngày nhận mẫu : 20/05/2025
Người gửi mẫu : Nguyễn Trần Bảo Thanh
Người nhận mẫu : Nguyễn Thanh Hiền
Thời gian thử nghiệm : 20/05/2025-27/05/2025

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Tiêu chuẩn	Kết quả	Đơn vị
1	<i>Staphylococcus aureus</i>	SMEWW 9213 B - 2023 (a)	< 1	0	CFU/100 ml
2	<i>Pseudomonas aeruginosa</i>	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2006) (a)	< 1	0	CFU/100 ml
3	Antimon (Sb)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,02	0,0007	mg/l
4	Bari (Ba)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,7	< 0,05	mg/l
5	Boron (bao gồm Borat và Axit boric)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,3	0,051	mg/l
6	Chì (Pb)	SMEWW 3125 B - 2023 (a)	≤ 0,01	0,001	mg/l
7	Natri (Na)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 200	111,99	mg/l
8	Bromodichlorometan	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 60	7,54	µg/l
9	Bromoform	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 100	25,7	µg/l
10	Cloroform	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 300	< 2,0	µg/l
11	Dibromochlorometan	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 100	17,0	µg/l

Mã số mẫu: 12573.25

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Tiêu chuẩn	Kết quả	Đơn vị
12	Tổng hoạt độ phóng xạ α (Gross alpha)	ISO 10704:2019 (a)	$\leq 0,1$	Không phát hiện LOD = 0,025	Bq/l
13	Tổng hoạt độ phóng xạ β (Gross beta)	ISO 10704:2019 (a)	$\leq 1,0$	0,336	Bq/l

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.
- LOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/ Limit of detection.

Nhận xét: Mẫu NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Trà Vinh QCDP 01:2022/TV do Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày~~2.8~~...~~05~~...**2025**...

TU. VIỆN TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM



TS. Phan Long Hồ



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 12574.25



Tên khách hàng : TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
Địa chỉ : SỐ 109 PHẠM NGŨ LÃO, PHƯỜNG 1, TP. TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH
Địa điểm lấy mẫu : Tại hộ Huỳnh Thị Nhẫn, ấp Tân Qui, xã An Phú Tân (TCN Tân Qui)
Tên mẫu : NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 01 bình x 2 lít + 01 chai x 500 ml
Ngày nhận mẫu : 20/05/2025
Người gửi mẫu : Nguyễn Trần Bảo Thanh
Người nhận mẫu : Nguyễn Thanh Hiền
Thời gian thử nghiệm : 20/05/2025-27/05/2025

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Tiêu chuẩn	Kết quả	Đơn vị
1	<i>Staphylococcus aureus</i>	SMEWW 9213 B - 2023 (a)	< 1	0	CFU/100 ml
2	<i>Pseudomonas aeruginosa</i>	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2006) (a)	< 1	0	CFU/100 ml
3	Antimon (Sb)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,02	0,0010	mg/l
4	Bari (Ba)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,7	< 0,05	mg/l
5	Boron (bao gồm Borat và Axit boric)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,3	0,058	mg/l
6	Chì (Pb)	SMEWW 3125 B - 2023 (a)	≤ 0,01	< 0,001	mg/l
7	Natri (Na)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 200	113,26	mg/l
8	Bromodichlorometan	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 60	6,99	µg/l
9	Bromoform	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 100	29,4	µg/l
10	Cloroform	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 300	< 2,0	µg/l
11	Dibromochlorometan	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 100	18,2	µg/l

Mã số mẫu: 12574.25

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Tiêu chuẩn	Kết quả	Đơn vị
12	Tổng hoạt độ phóng xạ α (Gross alpha)	ISO 10704:2019 (a)	$\leq 0,1$	Không phát hiện LOD = 0,025	Bq/l
13	Tổng hoạt độ phóng xạ β (Gross beta)	ISO 10704:2019 (a)	$\leq 1,0$	0,315	Bq/l

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.
- LOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/ Limit of detection.

Nhận xét: Mẫu NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Trà Vinh QCDP 01:2022/TV do Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **28-05-2025**

TUQ. VIỆN TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM



T.S. Phan Long Hồ



Số: 012011/VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 12575.25



Tên khách hàng : TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
Địa chỉ : SỐ 109 PHẠM NGŨ LÃO, PHƯỜNG 1, TP. TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH
Địa điểm lấy mẫu : Tại hộ Lê Văn Nhí Anh, ấp An bình, xã Hòa Tân (TCN Hội An)
Tên mẫu : NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 01 bình x 2 lít + 01 chai x 500 ml
Ngày nhận mẫu : 20/05/2025
Người gửi mẫu : Nguyễn Trần Bảo Thanh
Người nhận mẫu : Nguyễn Thanh Hiền
Thời gian thử nghiệm : 20/05/2025-27/05/2025

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Tiêu chuẩn	Kết quả	Đơn vị
1	<i>Staphylococcus aureus</i>	SMEWW 9213 B - 2023 (a)	< 1	0	CFU/100 ml
2	<i>Pseudomonas aeruginosa</i>	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2006) (a)	< 1	0	CFU/100 ml
3	Antimon (Sb)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,02	< 0,0005	mg/l
4	Bari (Ba)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,7	0,051	mg/l
5	Boron (bao gồm Borat và Axit boric)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,3	0,102	mg/l
6	Chì (Pb)	SMEWW 3125 B - 2023 (a)	≤ 0,01	Không phát hiện LOD = 0,0003	mg/l
7	Natri (Na)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 200	66,01	mg/l
8	Bromodichlorometan	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 60	2,41	µg/l
9	Bromoform	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 100	< 2,0	µg/l
10	Cloroform	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 300	< 2,0	µg/l
11	Dibromochlorometan	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 100	< 2,0	µg/l

Mã số mẫu: 12575.25

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Tiêu chuẩn	Kết quả	Đơn vị
12	Tổng hoạt độ phóng xạ α (Gross alpha)	ISO 10704:2019 (a)	$\leq 0,1$	Không phát hiện LOD = 0,025	Bq/l
13	Tổng hoạt độ phóng xạ β (Gross beta)	ISO 10704:2019 (a)	$\leq 1,0$	0,263	Bq/l

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.
- LOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/ Limit of detection.

Nhận xét: Mẫu NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Trà Vinh QCDP 01:2022/TV do Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **28-05-2025**

TU. VIỆN TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM



TS. Phan Long Hồ



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 12576.25



Tên khách hàng : TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
Địa chỉ : SỐ 109 PHẠM NGŨ LÃO, PHƯỜNG 1, TP. TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH
Địa điểm lấy mẫu : Tại hộ Trịnh Văn Hải, ấp Trà Điều, xã Ninh Thới (TCN Trà Điều)
Tên mẫu : NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 01 bình x 2 lít + 01 chai x 500 ml
Ngày nhận mẫu : 20/05/2025
Người gửi mẫu : Nguyễn Trần Bảo Thanh
Người nhận mẫu : Nguyễn Thanh Hiền
Thời gian thử nghiệm : 20/05/2025-27/05/2025

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Tiêu chuẩn	Kết quả	Đơn vị
1	<i>Staphylococcus aureus</i>	SMEWW 9213 B - 2023 (a)	< 1	0	CFU/100 ml
2	<i>Pseudomonas aeruginosa</i>	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2006) (a)	< 1	0	CFU/100 ml
3	Antimon (Sb)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,02	0,0008	mg/l
4	Bari (Ba)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,7	< 0,05	mg/l
5	Boron (bao gồm Borat và Axit boric)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,3	0,057	mg/l
6	Chì (Pb)	SMEWW 3125 B - 2023 (a)	≤ 0,01	0,0011	mg/l
7	Natri (Na)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 200	108,81	mg/l
8	Bromodichlorometan	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 60	8,49	µg/l
9	Bromoform	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 100	26,6	µg/l
10	Cloroform	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 300	< 2,0	µg/l
11	Dibromochlorometan	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 100	16,6	µg/l

Mã số mẫu: 12576.25

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Tiêu chuẩn	Kết quả	Đơn vị
12	Tổng hoạt độ phóng xạ α (Gross alpha)	ISO 10704:2019 (a)	$\leq 0,1$	$< 0,075$	Bq/l
13	Tổng hoạt độ phóng xạ β (Gross beta)	ISO 10704:2019 (a)	$\leq 1,0$	0,258	Bq/l

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.

Nhận xét: Mẫu NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Trà Vinh QCDP 01:2022/TV do Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **28-05-2025**...

TU. VIỆN TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM



TS. Phan Long Hồ



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 12577.25



Tên khách hàng : TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
Địa chỉ : SỐ 109 PHẠM NGŨ LÃO, PHƯỜNG 1, TP. TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH
Địa điểm lấy mẫu : Tại hộ Đỗ Thị Xứ, ấp Đồn Điền, xã Ninh Thới (NMN Ninh Thới)
Tên mẫu : **NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT**
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 01 bình x 2 lít + 01 chai x 500 ml
Ngày nhận mẫu : 20/05/2025
Người gửi mẫu : Nguyễn Trần Bảo Thanh
Người nhận mẫu : Nguyễn Thanh Hiền
Thời gian thử nghiệm : 20/05/2025-27/05/2025

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Tiêu chuẩn	Kết quả	Đơn vị
1	<i>Staphylococcus aureus</i>	SMEWW 9213 B - 2023 (a)	< 1	0	CFU/100 ml
2	<i>Pseudomonas aeruginosa</i>	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2006) (a)	< 1	0	CFU/100 ml
3	Antimon (Sb)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,02	0,0008	mg/l
4	Bari (Ba)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,7	< 0,05	mg/l
5	Boron (bao gồm Borat và Axit boric)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,3	0,051	mg/l
6	Chì (Pb)	SMEWW 3125 B - 2023 (a)	≤ 0,01	0,0065	mg/l
7	Natri (Na)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 200	106,98	mg/l
8	Bromodichlorometan	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 60	4,42	µg/l
9	Bromoform	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 100	< 2,0	µg/l
10	Cloroform	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 300	< 2,0	µg/l
11	Dibromochlorometan	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 100	< 2,0	µg/l

Mã số mẫu: 12577.25

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Tiêu chuẩn	Kết quả	Đơn vị
12	Tổng hoạt độ phóng xạ α (Gross alpha)	ISO 10704:2019 (a)	$\leq 0,1$	< 0,075	Bq/l
13	Tổng hoạt độ phóng xạ β (Gross beta)	ISO 10704:2019 (a)	$\leq 1,0$	0,311	Bq/l

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.

Nhận xét: Mẫu NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Trà Vinh QCDP 01:2022/TV do Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **28-05-2025**

TU. VIỆN TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM



TS. Phan Long Hồ



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 12578.25



Tên khách hàng : TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
Địa chỉ : SỐ 109 PHẠM NGŨ LÃO, PHƯỜNG 1, TP. TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH
Địa điểm lấy mẫu : Tại hộ Thạch Thị Oanh Đi, ấp 2, xã Phong Phú (TCN Phong Phú)
Tên mẫu : **NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT**
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 01 bình x 2 lít + 01 chai x 500 ml
Ngày nhận mẫu : 20/05/2025
Người gửi mẫu : Nguyễn Trần Bảo Thanh
Người nhận mẫu : Nguyễn Thanh Hiền
Thời gian thử nghiệm : 20/05/2025-27/05/2025

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Tiêu chuẩn	Kết quả	Đơn vị
1	<i>Staphylococcus aureus</i>	SMEWW 9213 B - 2023 (a)	< 1	0	CFU/100 ml
2	<i>Pseudomonas aeruginosa</i>	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2006) (a)	< 1	0	CFU/100 ml
3	Antimon (Sb)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,02	0,0008	mg/l
4	Bari (Ba)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,7	< 0,05	mg/l
5	Boron (bao gồm Borat và Axit boric)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,3	0,059	mg/l
6	Chì (Pb)	SMEWW 3125 B - 2023 (a)	≤ 0,01	< 0,001	mg/l
7	Natri (Na)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 200	110,66	mg/l
8	Bromodichlorometan	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 60	8,62	µg/l
9	Bromoform	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 100	30,4	µg/l
10	Cloroform	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 300	< 2,0	µg/l
11	Dibromochlorometan	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 100	17,8	µg/l

Mã số mẫu: 12578.25

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Tiêu chuẩn	Kết quả	Đơn vị
12	Tổng hoạt độ phóng xạ α (Gross alpha)	ISO 10704:2019 (a)	$\leq 0,1$	Không phát hiện LOD = 0,025	Bq/l
13	Tổng hoạt độ phóng xạ β (Gross beta)	ISO 10704:2019 (a)	$\leq 1,0$	0,337	Bq/l

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.
- LOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/ Limit of detection.

Nhận xét: Mẫu NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Trà Vinh QCDP 01:2022/TV do Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **28-05-2025**

TU. VIỆN TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM


TS. Phan Long Hồ



Số: **012015** /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 12579.25



VILAS 219

Tên khách hàng : TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
Địa chỉ : SỐ 109 PHẠM NGŨ LÃO, PHƯỜNG 1, TP. TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH
Địa điểm lấy mẫu : Tại hộ Thạch Hương, ấp 2, xã Phong Thạnh (TCN Phong Thạnh)
Tên mẫu : NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 01 bình x 2 lít + 01 chai x 500 ml
Ngày nhận mẫu : 20/05/2025
Người gửi mẫu : Nguyễn Trần Bảo Thanh
Người nhận mẫu : Nguyễn Thanh Hiền
Thời gian thử nghiệm : 20/05/2025-27/05/2025

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Tiêu chuẩn	Kết quả	Đơn vị
1	<i>Staphylococcus aureus</i>	SMEWW 9213 B - 2023 (a)	< 1	0	CFU/100 ml
2	<i>Pseudomonas aeruginosa</i>	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2006) (a)	< 1	0	CFU/100 ml
3	Antimon (Sb)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,02	0,0009	mg/l
4	Bari (Ba)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,7	< 0,05	mg/l
5	Boron (bao gồm Borat và Axit boric)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,3	0,054	mg/l
6	Chì (Pb)	SMEWW 3125 B - 2023 (a)	≤ 0,01	< 0,001	mg/l
7	Natri (Na)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 200	110,59	mg/l
8	Bromodichlorometan	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 60	7,94	µg/l
9	Bromoform	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 100	27,6	µg/l
10	Cloroform	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 300	< 2,0	µg/l
11	Dibromochlorometan	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 100	17,0	µg/l

Mã số mẫu: 12579.25

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Tiêu chuẩn	Kết quả	Đơn vị
12	Tổng hoạt độ phóng xạ α (Gross alpha)	ISO 10704:2019 (a)	$\leq 0,1$	< 0,075	Bq/l
13	Tổng hoạt độ phóng xạ β (Gross beta)	ISO 10704:2019 (a)	$\leq 1,0$	0,281	Bq/l

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.

Nhận xét: Mẫu NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Trà Vinh QCDP 01:2022/TV do Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **28-05-2025**

TUQ. VIỆN TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM



TS. Phan Long Hồ



Số: 012016/VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 12580.25



VILAS 219

Tên khách hàng : TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
Địa chỉ : SỐ 109 PHẠM NGŨ LÃO, PHƯỜNG 1, TP. TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH
Địa điểm lấy mẫu : Tại hộ Nguyễn Phụng, ấp Ô Tung B, xã Châu Điền (TCN Châu Điền)
Tên mẫu : NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 01 bình x 2 lít + 01 chai x 500 ml
Ngày nhận mẫu : 20/05/2025
Người gửi mẫu : Nguyễn Trần Bảo Thanh
Người nhận mẫu : Nguyễn Thanh Hiền
Thời gian thử nghiệm : 20/05/2025-27/05/2025

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Tiêu chuẩn	Kết quả	Đơn vị
1	<i>Staphylococcus aureus</i>	SMEWW 9213 B - 2023 (a)	< 1	0	CFU/100 ml
2	<i>Pseudomonas aeruginosa</i>	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2006) (a)	< 1	0	CFU/100 ml
3	Antimon (Sb)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,02	Không phát hiện LOD = 0,0003	mg/l
4	Bari (Ba)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,7	0,063	mg/l
5	Boron (bao gồm Borat và Axit boric)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,3	0,061	mg/l
6	Chì (Pb)	SMEWW 3125 B - 2023 (a)	≤ 0,01	Không phát hiện LOD = 0,0003	mg/l
7	Natri (Na)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 200	52,42	mg/l
8	Bromodichlorometan	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 60	Không phát hiện LOD = 0,40	µg/l
9	Bromoform	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 100	Không phát hiện LOD = 0,50	µg/l
10	Cloroform	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 300	< 2,0	µg/l
11	Dibromochlorometan	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 100	Không phát hiện LOD = 0,30	µg/l

Mã số mẫu: 12580.25

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Tiêu chuẩn	Kết quả	Đơn vị
12	Tổng hoạt độ phóng xạ α (Gross alpha)	ISO 10704:2019 (a)	$\leq 0,1$	Không phát hiện LOD = 0,025	Bq/l
13	Tổng hoạt độ phóng xạ β (Gross beta)	ISO 10704:2019 (a)	$\leq 1,0$	0,253	Bq/l

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.
- LOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/ Limit of detection.

Nhận xét: Mẫu NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Trà Vinh QCDP 01:2022/TV do Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **28-05-2025**

TU. VIỆN TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM



TS. Phan Long Hồ



Số: **012017** /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 12581.25



VILAS 219

Tên khách hàng : TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
Địa chỉ : SỐ 109 PHẠM NGŨ LÃO, PHƯỜNG 1, TP. TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH
Địa điểm lấy mẫu : Tại hộ Trần Thị Dân, ấp An Lộc, xã Hòa Tân (TCN Cồn An Lộc)
Tên mẫu : **NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT**
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 01 bình x 2 lít + 01 chai x 500 ml
Ngày nhận mẫu : 20/05/2025
Người gửi mẫu : Nguyễn Trần Bảo Thanh
Người nhận mẫu : Nguyễn Thanh Hiền
Thời gian thử nghiệm : 20/05/2025-27/05/2025

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Tiêu chuẩn	Kết quả	Đơn vị
1	<i>Staphylococcus aureus</i>	SMEWW 9213 B - 2023 (a)	< 1	0	CFU/100 ml
2	<i>Pseudomonas aeruginosa</i>	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2006) (a)	< 1	0	CFU/100 ml
3	Antimon (Sb)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,02	0,0008	mg/l
4	Bari (Ba)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,7	< 0,05	mg/l
5	Boron (bao gồm Borat và Axit boric)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,3	0,057	mg/l
6	Chì (Pb)	SMEWW 3125 B - 2023 (a)	≤ 0,01	0,0023	mg/l
7	Natri (Na)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 200	111,29	mg/l
8	Bromodichlorometan	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 60	9,30	µg/l
9	Bromoform	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 100	28,3	µg/l
10	Cloroform	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 300	< 2,0	µg/l
11	Dibromochlorometan	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 100	21,1	µg/l

Mã số mẫu: 12581.25

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Tiêu chuẩn	Kết quả	Đơn vị
12	Tổng hoạt độ phóng xạ α (Gross alpha)	ISO 10704:2019 (a)	$\leq 0,1$	Không phát hiện LOD = 0,025	Bq/l
13	Tổng hoạt độ phóng xạ β (Gross beta)	ISO 10704:2019 (a)	$\leq 1,0$	0,285	Bq/l

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.
- LOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/ Limit of detection.

Nhận xét: Mẫu NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Trà Vinh QCDP 01:2022/TV do Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành.

28-05-2025

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày

TU. VIỆN TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM



TS. Phan Long Hồ



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 12582.25



Tên khách hàng : TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
Địa chỉ : SỐ 109 PHẠM NGŨ LÃO, PHƯỜNG 1, TP. TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH
Địa điểm lấy mẫu : Tại hộ Lâm Thị Hồng, ấp Chông Nô 1, xã Hòa Tân (TCN Hòa Tân)
Tên mẫu : **NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT**
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 01 bình x 2 lít + 01 chai x 500 ml
Ngày nhận mẫu : 20/05/2025
Người gửi mẫu : Nguyễn Trần Bảo Thanh
Người nhận mẫu : Nguyễn Thanh Hiền
Thời gian thử nghiệm : 20/05/2025-27/05/2025

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Tiêu chuẩn	Kết quả	Đơn vị
1	<i>Staphylococcus aureus</i>	SMEWW 9213 B - 2023 (a)	< 1	0	CFU/100 ml
2	<i>Pseudomonas aeruginosa</i>	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2006) (a)	< 1	0	CFU/100 ml
3	Antimon (Sb)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,02	0,0007	mg/l
4	Bari (Ba)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,7	< 0,05	mg/l
5	Boron (bao gồm Borat và Axit boric)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 0,3	0,050	mg/l
6	Chì (Pb)	SMEWW 3125 B - 2023 (a)	≤ 0,01	0,0016	mg/l
7	Natri (Na)	SMEWW 3125 B: 2023 (a)	≤ 200	112,94	mg/l
8	Bromodichlorometan	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 60	8,66	µg/l
9	Bromoform	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 100	29,0	µg/l
10	Cloroform	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 300	< 2,0	µg/l
11	Dibromochlorometan	EPA Method 5021A:2014; EPA Method 8260D:2018 (a)	≤ 100	20,9	µg/l

Mã số mẫu: 12582.25

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Tiêu chuẩn	Kết quả	Đơn vị
12	Tổng hoạt độ phóng xạ α (Gross alpha)	ISO 10704:2019 (a)	$\leq 0,1$	Không phát hiện LOD = 0,025	Bq/l
13	Tổng hoạt độ phóng xạ β (Gross beta)	ISO 10704:2019 (a)	$\leq 1,0$	0,311	Bq/l

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.
- LOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/ Limit of detection.

Nhận xét: Mẫu NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Trà Vinh QCDP 01:2022/TV do Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **28-05-2025**

TU. VIỆN TRƯỞNG

TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM



TS. Phan Long Hồ